

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31/3/2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Tăng.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Hương và ông Lê Văn Nguyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLST - HNGĐ ngày 01/12/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh X., sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Ấp Đ.N, xã T.T, huyện V.G, tỉnh Hưng Yên

\* Bị đơn: Ông Trịnh Xuân M., sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Kennerser, Strabe 15 18209 Bad Doberan, CHLB Đức

(Các đương sự đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X. trình bày:

Bà X. với ông M. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Hưng Yên vào ngày 20/4/2007. Sau khi kết hôn ông M. về nhà bà ở được 02 tuần thì ông M. về CHLB Đức ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai và cũng không liên lạc với nhau. Nay bà X. xác định tình cảm vợ chồng giữa bà với ông M. không còn, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên giải quyết cho bà được ly hôn ông M.

Về con chung và tài sản chung: Không có.

Bị đơn là ông Trịnh Xuân M. trình bày: Quá trình kết hôn, chung sống và ly thân như bà X. đã trình bày. Ông M. xác định tình cảm vợ chồng giữa ông với bà X. không còn, bà X. làm đơn xin ly hôn, ông M. đồng ý.

Về con chung và tài sản chung: Không có.

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp: Trường hợp ông Trịnh Xuân M., đã sử dụng hộ chiếu số N1929878 để xuất cảnh ngày 19/02/2017, qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh X..

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh X. có đơn khởi kiện xin ly hôn ông Trịnh Xuân M.. Bà X. và ông M. có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Hưng Yên và ông M. hiện đang cư trú tại CHLB Đức. Theo quy định tại Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu TAND giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp..

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh X. và ông Trịnh Xuân M. là hợp pháp, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, cả bà X. và ông M. đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà X. xin ly hôn, ông M. đồng ý. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà X. và ông M. đã trở lên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho bà X. được ly hôn ông M. là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung và tài sản chung không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh X. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có căn cứ pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229; Điều 238; Điều 273, Điều 479; khoản 4

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X..

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh X. được ly hôn ông Trịnh Xuân M..

[2]. Về con chung và tài sản chung: Không có, bà X. và ông M. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh X. phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà X. đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000182 ngày 01/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, Bà X. đã nộp đủ tiền án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Bà X. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông Trịnh Xuân M. được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Hữu Tăng**